



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

NGÀNH: KINH DOANH

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

MÃ SỐ: 8.34.01.01

(Ban hành kèm theo Quyết định số 952/QĐ-HV ngày 29 tháng 10 năm 2021  
của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

### PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
  - + Tiếng Việt: Quản trị Kinh doanh
  - + Tiếng Anh: Business Administration
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
  - + Tiếng Việt: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
  - + Tiếng Anh: Master of Business Administration
- Đơn vị đào tạo: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn Thông

#### 2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

##### - Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị Kinh doanh nhằm đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, có nền tảng mạnh về kinh tế và quản lý, có kỹ năng quản trị chuyên nghiệp và hiệu quả.

##### - Mục tiêu cụ thể:

- + Học viên được phát triển kiến thức chuyên sâu và kỹ năng cần có trong lĩnh vực kinh tế nói chung và Quản trị Kinh doanh nói riêng.
- + Học viên được phát triển sự hiểu biết và khả năng áp dụng lý thuyết quản trị vào thực tiễn.
- + Học viên được hướng dẫn cách tiếp cận, thực hiện và báo cáo nghiên cứu khoa học.

#### 3. Thông tin tuyển sinh

- **Hình thức tuyển sinh:** Xét tuyển theo quy định tại Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.



**- Đối tượng tuyển sinh:**

+ Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành theo quy định tại Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện Công nghệ Bru chính Viễn thông.

+ Các điều kiện khác theo quy định tại Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện Công nghệ Bru chính Viễn thông.

+ Đối với chương trình thạc sĩ định hướng ứng dụng chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, ngành phù hợp ở trình độ đại học bao gồm những ngành liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực quản trị, quản lý.

+ Danh mục ngành đúng, phù hợp, ngành gần, ngành khác và các môn học bổ sung kiến thức tuyển sinh trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị Kinh doanh quy định tại Phụ lục 1.

**- Thời gian đào tạo:**

+ 2,0 năm – Hình thức đào tạo chính quy;

+ 2,5 năm – Hình thức đào tạo vừa làm vừa học cho chương trình định hướng ứng dụng.

## **PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Về kiến thức**

#### **1.1 Kiến thức chung**

- Hiểu và vận dụng được hệ thống tri thức khoa học về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin; về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về đường lối trong thời kỳ đổi mới kinh tế trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội của Đảng và Nhà nước.

- Tiếng Anh đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam.

- Hiểu và sử dụng thành thạo một số phương pháp nghiên cứu khoa học, công cụ mô phỏng phục vụ cho việc học tập các môn học khác và nghiên cứu khoa học.

#### **1.2 Kiến thức ngành/chuyên ngành**

- Hiểu, vận dụng được các kiến thức nâng cao và chuyên sâu của chuyên ngành Quản trị Kinh doanh trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh cụ thể của doanh nghiệp như: Lãnh đạo tốt chức, Quản trị chiến lược, Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị tài chính, Quản trị marketing...

- Hiểu và vận dụng thành thạo một số kiến thức chuyên ngành nâng cao trong Quản trị Kinh doanh nhằm phục vụ cho các nghiên cứu trong luận văn tốt nghiệp và làm chủ các công nghệ, phương pháp mới trong các lĩnh vực Quản trị Kinh doanh.

- Có phương pháp luận khoa học, phương pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn Quản trị Kinh doanh.

- Nắm vững các phương pháp phân tích kinh tế định tính và định lượng áp dụng trong nghiên cứu khoa học và thực tiễn công tác sau tốt nghiệp.

### **1.3 Yêu cầu đối với luận văn tốt nghiệp**

Luận văn là một báo cáo khoa học, tổng hợp các kết quả nghiên cứu chính của học viên, đáp ứng các yêu cầu sau:

- Có đóng góp về lý luận, học thuật hoặc phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; thể hiện năng lực nghiên cứu của học viên;

- Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

- Tuân thủ quy định của Học viện Công nghệ Bru chính Viễn thông về liên chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

### **1.4 Yêu cầu đối với đề án tốt nghiệp**

Báo cáo đề án là một bản thuyết minh quá trình xây dựng, triển khai và kết quả triển khai đề án, đáp ứng các yêu cầu sau:

- Đề xuất và kiểm nghiệm được mô hình, giải pháp mới để giải quyết hiệu quả những thách thức trong thực tiễn; thể hiện năng lực ứng dụng khoa học, công nghệ và giải quyết vấn đề của học viên;

- Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

- Tuân thủ quy định của Học viện Công nghệ Bru chính Viễn thông về liên chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

## **2. Về kỹ năng**

### **2.1 Kỹ năng cứng**

- Phân tích, đánh giá, dự báo môi trường kinh tế vĩ mô và môi trường ngành từ đó xây dựng chiến lược phát triển doanh nghiệp trong dài hạn.

- Biết sử dụng các kiến thức chuyên môn một cách linh hoạt, có kỹ năng tổ chức, điều hành các nghiệp vụ quản trị kinh doanh của doanh nghiệp một cách khoa học và hiệu quả.

### **2.2 Kỹ năng mềm**

- Kỹ năng cá nhân: Kỹ năng phát hiện, phân tích và đưa ra một số giải pháp khác nhau, áp dụng các tiêu chí để đánh giá, dự báo kết quả của từng giải pháp và lựa chọn giải pháp cho các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Quản trị Kinh doanh.

- Kỹ năng làm việc nhóm: Phát hiện, tổ chức, phân công, đánh giá, đàm phán, giải quyết xung đột... để xây dựng và triển khai dự án kinh doanh.

## **3. Về năng lực của người học sau khi tốt nghiệp**

- Có khả năng tham gia và giải quyết tốt những vấn đề nghiên cứu cơ bản cũng như ứng dụng trong lĩnh vực Quản trị Kinh doanh.

- Có khả năng trở thành các doanh nhân, các nhà lãnh đạo, các chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý tại các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội, cơ

quan quản lý nhà nước có liên quan. Khả năng làm việc trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế cũng như các doanh nghiệp, tổ chức nước ngoài.

- Có khả năng tự tạo lập hoặc cùng liên kết để khởi sự thành lập doanh nghiệp và tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng làm giàu cho bản thân và mang lại nhiều giá trị cho xã hội.

- Có khả năng trở thành các cán bộ giảng dạy/giảng viên, cán bộ nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục Đại học và Viện nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý.

- Có thể tiếp tục theo học chương trình đào tạo tiến sĩ Quản trị Kinh doanh ở trong nước hoặc ở ngoài nước theo những chuyên ngành phù hợp.

#### **4. Về phẩm chất đạo đức**

- Trung thực, năng động, khiêm tốn, đáng tin cậy; hành xử chuyên nghiệp, trung thành với cơ quan, tổ chức;

- Ham tìm hiểu, có sáng tạo và học tập suốt đời;

- Có trách nhiệm với Nhà nước và xã hội; tuân thủ luật pháp và các chính sách của Đảng và Nhà nước.

### PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Thời lượng các khối kiến thức

STT	Các khối kiến thức	Định hướng ứng dụng	Định hướng nghiên cứu
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>	<b>7 tín chỉ</b>	<b>7 tín chỉ</b>
1	Triết học	3 tín chỉ	3 tín chỉ
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2 tín chỉ	2 tín chỉ
3	Công cụ toán chuyên ngành	2 tín chỉ	2 tín chỉ
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở</b>	<b>12 tín chỉ</b>	<b>14 tín chỉ</b>
II.1	Các học phần bắt buộc	6 tín chỉ	6 tín chỉ
II.2	Các học phần tự chọn	6 tín chỉ	2 tín chỉ
II.3	Chuyên đề thạc sĩ 1	0 tín chỉ	3 tín chỉ
II.4	Chuyên đề thạc sĩ 2	0 tín chỉ	3 tín chỉ
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>	<b>24 tín chỉ</b>	<b>24 tín chỉ</b>
III.1	Các học phần bắt buộc	10 tín chỉ	10 tín chỉ
III.2	Các học phần tự chọn	14 tín chỉ	8 tín chỉ
III.3	Chuyên đề thạc sĩ 3	0 tín chỉ	3 tín chỉ
III.4	Chuyên đề thạc sĩ 4	0 tín chỉ	3 tín chỉ
<b>IV</b>	<b>Thực tập</b>	<b>8 tín chỉ</b>	<b>0 tín chỉ</b>
<b>V</b>	<b>Đề án/Luận văn</b>	<b>9 tín chỉ</b>	<b>15 tín chỉ</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>60 tín chỉ</b>	<b>60 tín chỉ</b>

## 2. Khung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ		Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết	Ghi chú
			Định hướng ứng dụng	Định hướng nghiên cứu	Lý thuyết	Thực hành/ Bài tập/ Thảo luận	Tự học		
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		7	7					
1	BAS4101	Triết học <i>Philosophy</i>	3	3	30	15	135	Theo quy định của Bộ GD&ĐT	
2	IGF4101	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Methodology of Scientific Research</i>	2	2	24	6	90		
3	BAS4105	Công cụ toán cho quản trị kinh doanh <i>Mathematic Tools for Business Administration</i>	2	2	24	6	90		
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở</b>		12	14					
<b>II.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		6	6					
4	BSA4301	Kinh tế học quản lý <i>Managerial Economics</i>	2	2	24	6	90		
5	BSA4302	Các lý thuyết quản trị hiện đại <i>Modern Management Theories</i>	2	2	24	6	90		
6	BSA4303	Lãnh đạo trong tổ chức <i>Leadership in Organizations</i>	2	2	24	6	90		
<b>II.1</b>	<b>Các học phần tự chọn</b> (Định hướng ứng dụng: chọn 03 trong 06 học phần; Định hướng nghiên cứu: chọn 01 trong 06 học phần)		6	2					
7	BSA4304	Pháp luật kinh doanh <i>Business Laws</i>	2	2	24	6	90		

Ph

STT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ		Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết	Ghi chú
			Định hướng ứng dụng	Định hướng nghiên cứu	Lý thuyết	Thực hành/ Bài tập/ Thảo luận	Tự học		
8	BSA4305	Quản trị sự thay đổi <i>Change Management</i>	2	2	24	6	90		
9	BSA4306	Ra quyết định quản trị <i>Decision Making in Management</i>	2	2	24	6	90		
10	BSA4307	Quản lý Nhà nước về thông tin và truyền thông <i>State Management of Information and Communications</i>	2	2	24	6	90		
11	BSA4308	Nghiên cứu định lượng trong kinh doanh <i>Quantitative Research in Business</i>	2	2	24	6	90		
12	BSA4309	Kinh tế lượng ứng dụng <i>Econometrics with Applications</i>	2	2	24	6	90		
II.3	BSA4329	Chuyên đề thạc sĩ 1 <i>Special Study for Business Administration 1</i>	0	3					
II.4	BSA4330	Chuyên đề thạc sĩ 2 <i>Special Study for Business Administration 2</i>	0	3					
III	Khởi kiến thức chuyên ngành		24	24					
III.1	Các học phần bắt buộc		10	10					
13	BSA4410	Quản trị chiến lược nâng cao <i>Advanced Strategy Management</i>	2	2	24	6	90		Học phần trọng tâm
14	BSA4411	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao <i>Advanced Human Resources Management</i>	2	2	24	6	90		Học phần trọng tâm
15	BSA4412	Quản trị Marketing nâng cao <i>Advanced Marketing Management</i>	2	2	24	6	90		Học phần trọng tâm

STT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ		Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết	Ghi chú
			Định hướng ứng dụng	Định hướng nghiên cứu	Lý thuyết	Thực hành/ Bài tập/ Thảo luận	Tự học		
16	BSA4413	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao <i>Advanced Business Financial Management</i>	2	2	24	6	90	Học phần trọng tâm	
17	BSA4414	Quản trị sản xuất và tác nghiệp <i>Operation and Production Management</i>	2	2	24	6	90	Học phần trọng tâm	
III.2		<b>Các học phần tự chọn</b> (Định hướng ứng dụng: chọn 07 trong 14 học phần; Định hướng nghiên cứu: chọn 04 trong 14 học phần)	14	8					
18	BSA4415	Quản trị thương hiệu nâng cao <i>Advanced Brand Management</i>	2	2	24	6	90		
19	BSA4416	Kế toán quản trị nâng cao <i>Advanced Management Accounting</i>	2	2	24	6	90		
20	BSA4417	Quản trị thương mại điện tử <i>E-commerce Management</i>	2	2	24	6	90		
21	BSA4418	Phân tích và quản lý đầu tư <i>Analysis and Investment Management</i>	2	2	24	6	90		
22	BSA4419	Kỹ năng quản trị <i>Management Skills</i>	2	2	24	6	90		
23	BSA4420	Quản trị rủi ro <i>Risk Management</i>	2	2	24	6	90		
24	BSA4421	Quản trị chuỗi cung ứng <i>Supply Chain Management</i>	2	2	24	6	90		
25	BSA4422	Hành vi tổ chức <i>Organizational Behavior</i>	2	2	24	6	90		



STT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ		Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết	Ghi chú
			Định hướng ứng dụng	Định hướng nghiên cứu	Lý thuyết	Thực hành/ Bài tập/ Thảo luận	Tự học		
26	BSA4423	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới <i>Research &amp; Development New Product</i>	2	2	24	6	6	90	
27	BSA4424	Kinh doanh quốc tế <i>International Business</i>	2	2	24	6	6	90	
28	BSA4425	Văn hóa kinh doanh <i>Business Culture</i>	2	2	24	6	6	90	
29	BSA4426	Chính sách kinh tế và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp <i>Economy Policy and the Competitiveness of Enterprises</i>	2	2	24	6	6	90	
30	BSA4427	Thẩm định giá trị tài sản doanh nghiệp <i>Corporate Asset Value Appraisal</i>	2	2	24	6	6	90	
31	BSA4428	Quản trị các định chế tài chính <i>Management of Financial Organizations</i>	2	2	24	6	6	90	
III.3	BSA4431	Chuyên đề thực sĩ 3 <i>Special Study for Business Administration 3</i>	0	3					
III.4	BSA4432	Chuyên đề thực sĩ 4 <i>Special Study for Business Administration 4</i>	0	3					
IV	Thực tập		8	0					
32	BSA4533	Thực tập <i>Internship</i>	8	0					
V	Đề án/Luận văn								

STT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ		Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết	Ghi chú
			Định hướng ứng dụng	Định hướng nghiên cứu	Lý thuyết	Thực hành/ Bài tập/ Thảo luận	Tự học		
33	BSA4534	Đề án thực sĩ quản trị kinh doanh <i>Project for Business Administration</i>	9	0					
34	BSA4535	Luận văn thạc sĩ quản trị kinh doanh <i>Thesis for Business Administration</i>	0	15					
<b>Tổng cộng:</b>			<b>60</b>	<b>60</b>					

RS

### 3. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo (Chính quy)

STT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ		Học kỳ dự kiến
			Định hướng ứng dụng	Định hướng nghiên cứu	
I	Khối kiến thức chung		7	7	
1	BAS4101	Triết học <i>Philosophy</i>	3	3	I
2	IGF4101	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Methodology of Scientific Research</i>	2	2	II
3	BAS4105	Công cụ toán cho quản trị kinh doanh <i>Mathematic Tools for Business Administration</i>	2	2	I
II	Khối kiến thức cơ sở		12	14	
II.1	Các học phần bắt buộc		6	6	
4	BAS4301	Kinh tế học quản lý <i>Managerial Economics</i>	2	2	I
5	BAS4302	Các lý thuyết quản trị hiện đại <i>Modern Management Theories</i>	2	2	I
6	BAS4302	Lãnh đạo trong tổ chức <i>Leadership in Organizations</i>	2	2	I
II.1	Các học phần tự chọn (Định hướng ứng dụng: chọn 03 trong 06 học phần; Định hướng nghiên cứu: chọn 01 trong 06 học phần)		6	2	
7	BSA4304	Pháp luật kinh doanh <i>Business Laws</i>	2	2	II
8	BSA4305	Quản trị sự thay đổi <i>Change Management</i>	2	2	II
9	BSA4306	Ra quyết định quản trị <i>Decision Making in Management</i>	2	2	II
10	BSA4307	Quản lý Nhà nước về thông tin và truyền thông <i>State Management of Information and Communications</i>	2	2	II

Handwritten mark

STT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ		Học kỳ dự kiến
			Định hướng ứng dụng	Định hướng nghiên cứu	
11	BSA4308	Nghiên cứu định lượng trong kinh doanh <i>Quantitative Research in Business</i>	2	2	II
12	BSA4309	Kinh tế lượng ứng dụng <i>Econometrics with Applications</i>	2	2	II
II.3	BSA4329	Chuyên đề thạc sĩ 1 <i>Special Study for Business Administration 1</i>	0	3	II
II.4	BSA4330	Chuyên đề thạc sĩ 2 <i>Special Study for Business Administration 2</i>	0	3	III
III	Khởi kiến thức chuyên ngành		24	24	
III.1	Các học phần bắt buộc		10	10	
13	BSA4410	Quản trị chiến lược nâng cao <i>Advanced Strategy Management</i>	2	2	I
14	BSA4411	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao <i>Advanced Human Resources Management</i>	2	2	II
15	BSA4412	Quản trị Marketing nâng cao <i>Advanced Marketing Management</i>	2	2	II
16	BSA4413	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao <i>Advanced Corporate Financial Management</i>	2	2	II
17	BSA4414	Quản trị sản xuất và tác nghiệp <i>Operation and Production Management</i>	2	2	III
III.2	Các học phần tự chọn (Định hướng ứng dụng: chọn 07 trong 14 học phần; Định hướng nghiên cứu: chọn 04 trong 14 học phần)		14	8	
18	BSA4415	Quản trị thương hiệu nâng cao <i>Advanced Brand Management</i>	2	2	III - IV
19	BSA4416	Kế toán quản trị nâng cao <i>Advanced Management Accounting</i>	2	2	III - IV
20	BSA4417	Quản trị thương mại điện tử	2	2	III - IV

STT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ		Học kỳ dự kiến
			Định hướng ứng dụng	Định hướng nghiên cứu	
		<i>E-commerce Management</i>			
21	BSA4418	Phân tích và quản lý đầu tư <i>Analysis and Investment Management</i>	2	2	III - IV
22	BSA4419	Kỹ năng quản trị <i>Management Skills</i>	2	2	III - IV
23	BSA4420	Quản trị rủi ro <i>Risk Management</i>	2	2	III - IV
24	BSA4421	Quản trị chuỗi cung ứng <i>Supply Chain Management</i>	2	2	III - IV
25	BSA4422	Hành vi tổ chức <i>Organizational Behavior</i>	2	2	III - IV
26	BSA4423	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới <i>Research &amp; Development New Product</i>	2	2	III - IV
27	BSA4424	Kinh doanh quốc tế <i>International Business</i>	2	2	III - IV
28	BSA4425	Văn hóa kinh doanh <i>Business Culture</i>	2	2	III - IV
29	BSA4426	Chính sách kinh tế và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp <i>Economy Policy and the Competitiveness of Enterprises</i>	2	2	III - IV
30	BSA4427	Thẩm định giá trị tài sản doanh nghiệp <i>Corporate Asset Value Appraisal</i>	2	2	III - IV
31	BSA4428	Quản trị các định chế tài chính <i>Management of Financial Organizations</i>	2	2	III - IV
III.3	BSA4431	<b>Chuyên đề thạc sĩ 3</b> <i>Special Study for Business Administration 3</i>	0	3	IV
III.4	BSA4432	<b>Chuyên đề thạc sĩ 4</b> <i>Special Study for Business Administration 4</i>	0	3	IV

STT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ		Học kỳ dự kiến
			Định hướng ứng dụng	Định hướng nghiên cứu	
IV	Thực tập		8	0	
32	BSA4533	Thực tập <i>Internship</i>	8	0	IV
V	Luận văn thạc sĩ		9	15	
33	BSA4534	Đề án thạc sĩ quản trị kinh doanh <i>Project for Business Administration</i>	9	0	V
34	BSA4535	Luận văn thạc sĩ quản trị kinh doanh <i>Thesis for Business Administration</i>	0	15	V
<b>Tổng cộng</b>			<b>60</b>	<b>60</b>	

AP

4. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo (Vừa làm vừa học)

STT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh)		Số tín chỉ	Học kỳ dự kiến
		Khối kiến thức chung			
I				7	
1	BAS4101	Triết học <i>Philosophy</i>		3	I
2	IGF4101	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Methodology of Scientific Research</i>		2	III
3	BAS4105	Công cụ toán cho quản trị kinh doanh <i>Mathematic Tools for Business Administration</i>		2	I
II				12	
II.1				6	
4	BAS4301	Kinh tế học quản lý <i>Managerial Economics</i>		2	I
5	BAS4302	Các lý thuyết quản trị hiện đại <i>Modern Management Theories</i>		2	I
6	BAS4302	Lãnh đạo trong tổ chức <i>Leadership in Organizations</i>		2	I
II.1				6	
7	BSA4304	Pháp luật kinh doanh <i>Business Laws</i>		2	II
8	BSA4305	Quản trị sự thay đổi <i>Change Management</i>		2	II
9	BSA4306	Ra quyết định quản trị <i>Decision Making in Management</i>		2	II
10	BSA4307	Quản lý Nhà nước về thông tin và truyền thông <i>State Management of Information and Communications</i>		2	II
11	BSA4308	Nghiên cứu định lượng trong kinh doanh <i>Quantitative Research in Business</i>		2	II

15

STT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ		Học kỳ dự kiến
12	BSA4309	Kinh tế lượng ứng dụng <i>Econometrics with Applications</i>	2		II
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>				
<b>III.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>24</b>		
			<b>10</b>		
13	BSA4410	Quản trị chiến lược nâng cao <i>Advanced Strategy Management</i>	2		II
14	BSA4411	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao <i>Advanced Human Resources Management</i>	2		II
15	BSA4412	Quản trị Marketing nâng cao <i>Advanced Marketing Management</i>	2		II
16	BSA4413	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao <i>Advanced Corporate Financial Management</i>	2		III
17	BSA4414	Quản trị sản xuất và tác nghiệp <i>Operation and Production Management</i>	2		III
<b>III.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b> (Chọn 07 trong 14 học phần)		<b>14</b>		
18	BSA4415	Quản trị thương hiệu nâng cao <i>Advanced Brand Management</i>	2		III - IV
19	BSA4416	Kê toán quản trị nâng cao <i>Advanced Management Accounting</i>	2		III - IV
20	BSA4417	Quản trị thương mại điện tử <i>E-commerce Management</i>	2		III - IV
21	BSA4418	Phân tích và quản lý đầu tư <i>Analysis and Investment Management</i>	2		III - IV
22	BSA4419	Kỹ năng quản trị <i>Management Skills</i>	2		III - IV
23	BSA4420	Quản trị rủi ro <i>Risk Management</i>	2		III - IV



STT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Học kỳ dự kiến
24	BSA4421	Quản trị chuỗi cung ứng <i>Supply Chain Management</i>	2	III - IV
25	BSA4422	Hành vi tổ chức <i>Organizational Behavior</i>	2	III - IV
26	BSA4423	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới <i>Research &amp; Development New Product</i>	2	III - IV
27	BSA4424	Kinh doanh quốc tế <i>International Business</i>	2	III - IV
28	BSA4425	Văn hóa kinh doanh <i>Business Culture</i>	2	III - IV
29	BSA4426	Chính sách kinh tế và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp <i>Economy Policy and the Competitiveness of Enterprises</i>	2	III - IV
30	BSA4427	Thẩm định giá trị tài sản doanh nghiệp <i>Corporate Asset Value Appraisal</i>	2	III - IV
31	BSA4428	Quản trị các định chế tài chính <i>Management of Financial Organizations</i>	2	III - IV
IV	<b>Thực tập</b>		<b>8</b>	
32	BSA4533	Thực tập <i>Internship</i>	8	V
V	<b>Luận văn thạc sĩ</b>		<b>9</b>	
33	BSA4534	Đề án thạc sĩ quản trị kinh doanh <i>Project for Business Administration</i>	9	VI
<b>Tổng cộng</b>			<b>60</b>	

**PHỤ LỤC 1**

**DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN, NGÀNH KHÁC VÀ CÁC MÔN HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

TT	Chuyên ngành tuyển sinh	Ngành đúng	Ngành/Chuyên ngành phù hợp	Ngành gần/khác và các môn học Bổ sung kiến thức		Số tiết	Ghi chú
				Ngành gần	Môn bổ sung kiến thức		
	<b>Quản trị kinh doanh</b> Mã số chuyên ngành: 8.34.01.01	Quản trị kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành;</li> <li>- Quản trị khách sạn;</li> <li>- Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống;</li> <li>- Kinh doanh thương mại;</li> <li>- Các chuyên ngành về Quản trị kinh doanh của trường đại học khác;</li> <li>- Hoặc các ngành/chuyên ngành đào tạo thuộc Nhóm ngành Kinh doanh, Quản trị - Quản lý theo Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ Đại học kèm theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT và có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh của Học viện đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.</li> </ul>	<p><b>Nhóm 1 (Ngành gần):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các ngành/chuyên ngành thuộc Nhóm ngành Kinh tế học, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán theo Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ Đại học ban hành kèm theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT;</li> <li>- Hoặc các ngành/chuyên ngành có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của Học viện từ 10-40% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.</li> </ul> <p><b>Nhóm 2 (Ngành khác):</b></p> <p>Người đăng ký dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng đang làm công tác quản trị, quản lý và có văn bằng tốt nghiệp đại học không phải là ngành đúng hoặc gần nhưng liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực quản trị, quản lý.</p>	<p><b>Nhóm 1:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Marketing căn bản;</li> <li>2. Quản trị học;</li> <li>3. Quản trị chiến lược;</li> <li>4. Quản trị sản xuất;</li> <li>5. Quản trị tài chính doanh nghiệp;</li> <li>6. Quản trị nhân lực.</li> </ol> <p><b>Nhóm 2:</b></p> <p><i>Ngoài 6 môn học như Nhóm 1 phải học thêm 6 môn sau:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kinh tế vi mô 1;</li> <li>2. Kinh tế vĩ mô 1;</li> <li>3. Tài chính tiền tệ;</li> <li>4. Kinh tế lượng;</li> <li>5. Luật kinh doanh;</li> <li>6. Nguyên lý kế toán.</li> </ol>	45 45 45 45 45 45	

*Phg*